

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Ban hành quy định quản lý chất thải rắn sinh hoạt**  
**trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường ngày 23/6/2014;*

*Căn cứ Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09/4/2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn;*

*Căn cứ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 605/TTr-STNMT ngày 29/11/2017 và Báo cáo số 170/BC-STP ngày 09/10/2017 của Sở Tư pháp về kết quả thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: TN&MT, Xây dựng, NN&PTNT, Tư pháp;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL;
- TTTU, TT HĐND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UB MTTQ tỉnh;
- CPCT, CPVP;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Vĩnh Phúc;
- Trung tâm Công báo tỉnh Vĩnh Phúc;
- Công TTĐT Vĩnh Phúc;
- CVNCTH
- Lưu VT, NN5.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Văn Trì**

## **QUY ĐỊNH**

### **Về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 55/2017/QĐ-UBND  
ngày 22/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc)

## **Chương I NHỮNG QUI ĐỊNH CHUNG**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định về hoạt động quản lý chất thải rắn sinh hoạt, quyền hạn và trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân liên quan đến việc quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc. Các nội dung khác không quy định tại Quy định này thực hiện theo Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09/4/2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn, Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và các văn bản pháp luật hiện hành khác có liên quan.

### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Quy định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân (sau đây gọi tắt là tổ chức, cá nhân) có hoạt động liên quan đến chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

### **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Phân loại chất thải rắn sinh hoạt* là hoạt động phân tách chất thải nhằm chia thành các nhóm chất thải để có các quy trình quản lý khác nhau.

2. *Thu gom chất thải rắn sinh hoạt* là hoạt động tập hợp, lưu giữ tạm thời chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ các chủ nguồn thải, các điểm tập kết, điểm thu gom tới địa điểm hoặc cơ sở được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.

3. *Vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt* là quá trình chuyên chở chất thải rắn sinh hoạt từ nơi phát sinh đến nơi xử lý, có thể kèm theo hoạt động thu gom, lưu giữ (hay tập kết) tạm thời, trung chuyển chất thải và sơ chế chất thải tại điểm tập kết hoặc trạm trung chuyển.

4. *Xử lý chất thải rắn sinh hoạt* là quá trình sử dụng các giải pháp công nghệ, kỹ thuật khác nhau nhằm loại bỏ các yếu tố gây ô nhiễm môi trường.

5. *Đơn vị thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt* là tổ chức hoặc cá nhân có đủ điều kiện và được phép thực hiện hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải theo quy định của pháp luật.

6. Cơ sở phát sinh chất thải rắn sinh hoạt là tổ chức hoặc cá nhân có phát sinh chất thải rắn sinh hoạt.

#### **Điều 4. Nguyên tắc chung về quản lý chất thải rắn sinh hoạt**

1. Chất thải rắn sinh hoạt phải được quản lý chặt chẽ nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những tác động có hại đối với môi trường và sức khỏe con người; mọi hoạt động quản lý chất thải rắn sinh hoạt phải tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Chất thải rắn sinh hoạt phải được phân loại, lưu giữ tại nguồn phát sinh; được thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Khuyến khích tổ chức, hộ gia đình áp dụng các giải pháp phù hợp để xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn phát sinh, đảm bảo vệ sinh môi trường.

4. Khuyến khích việc xã hội hóa công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

5. Khuyến khích việc ứng dụng công nghệ hiện đại trong xử lý chất thải rắn sinh hoạt, đảm bảo vệ sinh môi trường và giảm khối lượng chất thải được chôn lấp nhằm tiết kiệm tài nguyên, chi phí xử lý.

6. Phương tiện vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt phải đảm bảo an toàn khi tham gia giao thông và bảo vệ môi trường.

### **Chương II**

#### **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

#### **Điều 5. Phân loại, lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt**

1. Chất thải rắn sinh hoạt phải được phân loại theo nhóm quy định tại Khoản 1, Điều 15, Nghị định số 38/2015/NĐ-CP để tái sử dụng, tái chế nhằm giảm khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phải xử lý.

2. Đối với các khu vực đã có hoạt động thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, tổ chức, cá nhân có phát sinh chất thải rắn sinh hoạt phải bố trí thiết bị lưu giữ theo quy định tại Khoản 1, Điều 8 của Quy định này.

3. Đối với hộ gia đình, cá nhân tại các khu vực chưa có dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý thực hiện tái chế, tái sử dụng và xử lý chất thải rắn sinh hoạt như sau: chất thải hữu cơ ủ làm phân bón cho cây trồng; chất thải có thể tái chế bán cho các cơ sở mua phế liệu; chất thải vô cơ không thể tái chế được chôn lấp hợp vệ sinh.

#### **Điều 6. Thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt**

1. Việc thu gom chất thải rắn sinh hoạt trực tiếp từ nguồn phát sinh trên địa bàn tỉnh được thực hiện như sau:

a) Trên địa bàn thành phố Vĩnh Yên và thị xã Phúc Yên, UBND thành phố, thị xã ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển từ hộ gia đình đến cơ sở xử lý; các huyện còn lại UBND cấp xã ký hợp đồng với Hợp tác xã dịch vụ vệ sinh môi trường hoặc đơn vị có chức năng làm dịch vụ thu

gom, vận chuyển để thu gom từ hộ gia đình và vận chuyển đến điểm tập kết, trạm trung chuyển.

b) Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ trụ sở làm việc của các cơ quan, tổ chức; cơ sở sản xuất kinh doanh, cửa hàng, nhà hàng kinh doanh ăn uống, khách sạn, dịch vụ du lịch; công trình xây dựng được đơn vị có chức năng thu gom vận chuyển đến cơ sở xử lý trên địa bàn thông qua hợp đồng dịch vụ.

2. Việc vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt từ điểm tập kết, trạm trung chuyển trên từng địa bàn đến cơ sở xử lý được UBND các huyện, thành phố, thị xã ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thực hiện.

3. Vị trí bố trí các điểm tập kết, trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt do UBND cấp huyện quy định trên cơ sở phù hợp với quy hoạch quản lý chất thải rắn do UBND tỉnh phê duyệt.

4. Các đơn vị thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải từ các tổ chức, cá nhân (*theo thỏa thuận Hợp đồng cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển xử lý chất thải rắn sinh hoạt*) và từ trạm trung chuyển đến cơ sở xử lý phải đáp ứng đủ các yêu cầu tại Điều 8 của Quy định này.

5. Hoạt động thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt được thực hiện thống nhất trên toàn tỉnh; trường hợp để phù hợp với thực tế của từng địa phương thì UBND cấp huyện chủ trì, phối hợp với các sở ngành liên quan báo cáo UBND tỉnh cho phép điều chỉnh.

6. Hàng năm, trên cơ sở tổng kinh phí thu đúng, thu đủ theo Quy định, UBND tỉnh bù đắp một phần kinh phí cho công tác thu gom, vận chuyển từ các hộ gia đình, khu vực công cộng.

#### **Điều 7. Xử lý chất thải rắn sinh hoạt**

1. Chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh được xử lý theo các công nghệ thân thiện với môi trường, ưu tiên cho công nghệ đốt. Công nghệ xử lý phải đảm bảo vệ sinh môi trường, đáp ứng đầy đủ các quy chuẩn quốc gia về môi trường và được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Địa điểm lựa chọn đầu tư xây dựng các cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt phải phù hợp với quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Việc lựa chọn chủ đầu tư cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định tại Điều 20, Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và các quy định pháp luật khác liên quan.

4. Hàng năm, UBND tỉnh bù đắp một phần kinh phí cho công xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh;

**Điều 8. Yêu cầu về kỹ thuật đối với thiết bị lưu giữ, điểm tập kết, trạm trung chuyển, khu vực lưu giữ và phương tiện thu gom, vận chuyển; yêu cầu về tần suất thu gom, thời gian lưu giữ**

1. Các yêu cầu về thiết bị lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

a) Đảm bảo không bị hư hỏng, biến dạng, rách vỡ trong quá trình sử dụng.

b) Bao bì mềm được buộc kín và bao bì cứng có nắp đậy kín để đảm bảo không phát tán mùi, không thấm nước mưa, không được ngấm hoặc rò rỉ nước rác.

2. Điểm tập kết, trạm trung chuyển, khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

a) Điểm tập kết phải có cao độ nền bảo đảm không bị ngập lụt; có sàn và vách ngăn bảo đảm kín khít, không rạn nứt, rò rỉ nước thải, chất thải.

b) Khu vực lưu giữ hoặc trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng các quy định sau: Có cao độ nền bảo đảm không bị ngập lụt, sàn đảm bảo kín khít, không rạn nứt và có độ dốc phù hợp để thu gom toàn bộ nước rỉ rác về hố thu; có hố thu gom nước rỉ rác; tường, vách ngăn, mái che đảm bảo không để nước mưa chảy vào khu vực lưu giữ.

3. Phương tiện thu gom vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt:

a) Số lượng phương tiện vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt phải phù hợp với quãng đường, thời gian, tần suất thu gom, số lượng các điểm thu gom và khối lượng chất thải rắn sinh hoạt được thu gom.

b) Các phương tiện vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng yêu cầu về an toàn khi tham gia giao thông và bảo vệ môi trường.

c) Đối với việc thu gom từ hộ gia đình đến điểm tập kết, trạm trung chuyển yêu cầu đặc thù cho một số phương tiện vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt như sau: Yêu cầu đặc thù cho một số phương tiện vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt như sau: xe tải có thùng lắp cố định; xe tải thùng hở phải được phủ kín khi vận chuyển, không được rơi vãi chất thải rắn sinh hoạt, nước rỉ rác ra môi trường.

d) Đối với việc thu gom chất thải rắn sinh hoạt từ các điểm tập kết, trạm trung chuyển đến nhà máy xử lý phải được thực hiện bằng xe chuyên dụng.

4. Tần suất thu gom, thời gian lưu giữ

a) Tần suất thu gom chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn thành phố Vĩnh Yên và thị xã Phúc Yên là 01 ngày/lần; đối với các huyện còn lại, tần suất thu từ 1 đến 2 ngày/lần tùy theo lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh. Các địa phương yêu cầu đơn vị dịch vụ thu gom, vận chuyển phải công bố lịch trình, thời gian hoạt động cố định và thông báo rộng rãi để các tổ chức, cá nhân biết, chấp hành.

b) Thời gian lưu trữ chất thải rắn sinh hoạt của các tổ chức, cá nhân và tại các khu vực tập kết, trạm trung chuyển không quá 2 ngày.

### **Chương III**

## **TRÁCH NHIỆM TRONG QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT**

**Điều 9. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân phát sinh chất thải rắn sinh hoạt**

1. Thực hiện việc phân loại, lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt theo quy định tại Điều 5 của Quy định này. Thu gom, đổ chất thải rắn sinh hoạt đúng thời gian

và nơi quy định, không vứt bừa bãi ra môi trường; có trách nhiệm giữ gìn vệ sinh nơi công cộng, tích cực tham gia các hoạt động vệ sinh môi trường khu phố, tổ dân phố, đường làng, ngõ xóm, nơi công cộng do chính quyền địa phương và các tổ chức đoàn thể phát động. Trường hợp phát hiện những vi phạm pháp luật về quản lý chất thải rắn sinh hoạt phải thông báo cơ quan có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm quy định, hướng dẫn cán bộ, người lao động trong cơ quan, tổ chức, đơn vị của mình biết và thực hiện đúng nội dung của Quy định này và các quy định của pháp luật có liên quan.

3. Các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt có phương tiện đáp ứng được yêu cầu được quy định tại Điều 8 quy định này hoặc đăng ký dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và phải chi trả chi phí giá dịch vụ thu gom theo quy định.

### **Điều 10. Trách nhiệm và quyền của chủ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt**

1. Trách nhiệm chủ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt được thực hiện theo quy định tại Điều 18, Nghị định số 38/2015/NĐ-CP.

2. Thực hiện việc báo cáo quản lý chất thải rắn sinh hoạt định kỳ hàng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu đến Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, UBND cấp huyện.

3. Quyền của chủ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt

a) Được thanh toán đúng và đủ giá dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn theo hợp đồng đã ký kết.

b) Được đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét sửa đổi, bổ sung các quy chuẩn kỹ thuật địa phương, định mức kinh tế kỹ thuật có liên quan đến hoạt động thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt.

c) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

4. Khuyến khích các chủ thu gom, vận chuyển phân loại chất thải nguy hại có lẫn trong chất thải rắn sinh hoạt tại các điểm tập kết, trạm trung chuyển. Việc quản lý chất thải nguy hại được thực hiện theo Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại. Kinh phí quản lý và xử lý chất thải nguy hại tách ra từ chất thải rắn sinh hoạt được lấy từ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường.

### **Điều 11. Trách nhiệm và quyền của chủ xử lý chất thải rắn sinh hoạt**

1. Trách nhiệm của chủ xử lý chất thải sinh hoạt

a) Thực hiện trách nhiệm của chủ xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định tại Khoản 1 Điều 22 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP.

b) Xây dựng phương án giá dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt gửi Sở Tài chính thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định tại

Điểm b Khoản 2 Điều 26 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP.

c) Chỉ ký hợp đồng tiếp nhận chất thải rắn sinh hoạt với các chủ thu gom, vận chuyển đáp ứng các yêu cầu theo Điều 8 của Quy định này và gửi hồ sơ năng lực của chủ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt về Sở Tài nguyên và Môi trường để cập nhật quản lý và công khai thông tin.

d) Định kỳ hàng năm báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, UBND cấp huyện về tình hình tiếp nhận xử lý chất thải rắn sinh hoạt từ các chủ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt (*kỳ báo cáo tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 của năm báo cáo*). Thời hạn chậm nhất trước ngày 15 tháng 01 của năm tiếp theo; hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

## 2. Quyền của chủ xử lý chất thải sinh hoạt

a) Chủ xử lý chất thải rắn sinh hoạt có quyền hạn theo quy định tại Khoản 2 Điều 22 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP.

b) Ký hợp đồng xử lý chất thải rắn sinh hoạt với UBND cấp huyện thông qua đấu thầu;

3. Khuyến khích chủ xử lý phân loại chất thải nguy hại lẫn trong chất thải rắn sinh hoạt khi xử lý. Việc quản lý chất thải nguy hại được thực hiện theo Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại. Kinh phí quản lý và xử lý chất thải nguy hại tách ra từ chất thải rắn sinh hoạt được lấy từ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường.

## **Điều 12. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường**

1. Tham mưu UBND tỉnh ban hành các quy định, chính sách, liên quan đến hoạt động quản lý chất thải rắn sinh hoạt.

2. Tổ chức truyền thông, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nâng cao nhận thức người dân về quản lý chất thải rắn.

3. Tổ chức thanh tra, kiểm tra các hoạt động quản lý liên quan đến hoạt động quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

4. Tổ chức cập nhật vào cơ sở dữ liệu về chất thải rắn sinh hoạt; tăng cường sử dụng hệ thống thông tin hoặc thư điện tử để thông báo, hướng dẫn, trao đổi với tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

5. Chủ trì xây dựng cơ chế chính sách ưu đãi, hỗ trợ để khuyến khích việc thu gom, vận chuyển và đầu tư cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trình cấp có thẩm quyền ban hành.

6. Định kỳ hàng năm báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường về tình hình quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh theo quy định.

7. Tham mưu cho UBND tỉnh xác nhận, điều chỉnh xác nhận bảo đảm yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt thuộc thẩm

quyền của UBND tỉnh.

8. Chủ trì tổng hợp kinh phí sự nghiệp môi trường cho công tác quản lý và xử lý chất thải nguy hại tách ra từ chất thải rắn sinh hoạt theo quy định tại Khoản 4, Điều 10 và Khoản 3, Điều 11 của Quy định này, gửi Sở Tài chính thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt.

### **Điều 13. Trách nhiệm của Sở Xây dựng**

1. Giúp UBND tỉnh về quản lý nhà nước trong quy hoạch, xây dựng các cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

2. Chủ trì tham mưu giúp UBND tỉnh ban hành quy hoạch, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch quản lý chất thải rắn phù hợp với điều kiện thực tế; công bố, công khai, tổ chức thực hiện quy hoạch quản lý chất thải rắn được phê duyệt; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện.

3. Chủ trì xây dựng, lập phương án giá dịch vụ thu gom, vận chuyển trình UBND tỉnh phê duyệt làm cơ sở đấu thầu dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn; lập phương án giá dịch vụ công ích đối với cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt có sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

4. Kiểm tra, giám sát việc xây dựng các trạm trung chuyển, khu vực lưu giữ, cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo các quy định hiện hành.

### **Điều 14. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư**

1. Hướng dẫn trình tự, thủ tục đầu tư cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh theo quy định.

2. Tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư, vận động khai thác các nguồn lực để triển khai xây dựng cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

3. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng cơ chế chính sách ưu đãi, hỗ trợ để khuyến khích việc thu gom, vận chuyển và đầu tư cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trình cấp có thẩm quyền ban hành.

4. Tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục các dự án xử lý chất thải rắn sinh hoạt kêu gọi đầu tư hàng năm.

5. Hướng dẫn cụ thể đối với tổ chức, cá nhân được hỗ trợ ưu đãi khi tham gia đầu tư xây dựng các nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

6. Xây dựng các mẫu hợp đồng theo Quy định tại Khoản 1 Điều 24 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP.

### **Điều 15. Trách nhiệm của Sở Tài chính**

1. Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan, UBND cấp huyện tổ chức thẩm định giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trình UBND tỉnh phê duyệt.

2. Tham mưu UBND tỉnh giao dự toán kinh phí sự nghiệp môi trường hàng năm cho công tác quản lý, thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt; kinh phí mua sắm trang thiết bị bảo đảm công tác thu gom, vận chuyển chất thải



rắn sinh hoạt của các đơn vị sự nghiệp do nhà nước quản lý; kinh phí cho các hoạt động quản lý chất thải rắn sinh hoạt;

3. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan thẩm định trình UBND tỉnh cấp kinh phí sự nghiệp môi trường cho công tác quản lý và xử lý chất thải nguy hại tách ra từ chất thải rắn sinh hoạt theo quy định tại Khoản 4, Điều 10 và Khoản 3, Điều 11 của Quy định này.

4. Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố, thị xã tham mưu, đề xuất UBND tỉnh ban hành quyết định điều chỉnh tăng mức giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt nhằm giảm bớt kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước.

### **Điều 16. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ**

Chủ trì thực hiện nghiên cứu các đề tài khoa học, chuyển giao, ứng dụng công nghệ trong xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh. Tham gia ý kiến về công nghệ đối với các dự án đầu tư xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

### **Điều 17. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành khác có liên quan**

Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ được giao, các sở, ban, ngành liên quan có trách nhiệm phối hợp, hướng dẫn UBND cấp huyện, các đơn vị trực thuộc thực hiện quản lý chất thải rắn sinh hoạt theo đúng các nội dung tại quy định này.

### **Điều 18. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện**

1. Tổ chức hoạt động quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn; hỗ trợ đầu tư trang thiết bị cho cấp xã để thực hiện thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt; tổ chức tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức của cộng đồng về bảo vệ môi trường trên địa bàn.

2. Rà soát, cơ cấu lại tổ chức hoạt động thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn cho phù hợp với thực tiễn.

3. Lập kế hoạch hàng năm cho công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn và gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 20 tháng 6 để tổng hợp trình UBND tỉnh; báo cáo định kỳ hàng năm về tình hình quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng trước ngày 30 tháng 01 của năm tiếp theo.

4. Ký hợp đồng dịch vụ với đơn vị có chức năng để vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt từ các điểm tập kết, trạm trung chuyển trên địa bàn thông qua đấu thầu theo quy định

5. Giám sát thành phần, khối lượng và hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn; xác nhận khối lượng chất thải nguy hại được tách ra từ chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn.

6. Quy hoạch chi tiết và công bố các điểm tập kết, trạm trung chuyển, mạng lưới thu gom chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn.

7. Chỉ đạo UBND cấp xã thực hiện nghiêm các quy định về quản lý chất

thải rắn sinh hoạt được trong Quy định này và các quy định khác có liên quan.

8. Chủ tịch UBND cấp huyện chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh nếu để địa phương mình xảy ra tình trạng vứt rác thải, đổ rác thải không đúng nơi quy định, gây ô nhiễm môi trường.

### **Điều 19. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã**

1. Tổ chức, tuyên truyền, vận động nhân dân thu gom và tập kết chất thải sinh hoạt đúng nơi quy định.

2. Trừ UBND các xã, phường của thành phố Vĩnh Yên và thị xã Phúc Yên, UBND các xã, thị trấn còn lại trực tiếp ký hợp đồng với Hợp tác xã dịch vụ vệ sinh môi trường, các đơn vị có chức năng để thu gom và vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt từ các hộ gia đình đến điểm tập kết hoặc trạm trung chuyển.

3. Phối hợp với các tổ chức đoàn thể, cộng đồng dân cư giám sát quá trình thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt từ các hộ gia đình đến điểm tập kết hoặc trạm trung chuyển.

4. Tổ chức kiểm tra, xử lý các trường hợp về quản lý chất thải rắn sinh hoạt theo thẩm quyền.

5. Triển khai giữ gìn vệ sinh, xây dựng kế hoạch tổng vệ sinh môi trường định kỳ; chịu trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc, nhắc nhở các tổ chức, cơ sở kinh doanh, dịch vụ, các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn chấp hành quy định này và các quy định khác có liên quan;

6. Báo cáo UBND cấp huyện về hoạt động quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn trước ngày 15 tháng 01 hàng năm.

7. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND cấp huyện nếu để địa phương mình xảy ra tình trạng xả chất thải rắn sinh hoạt không đúng nơi quy định, gây ô nhiễm môi trường.

### **Điều 20. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội khác trong quản lý chất thải rắn sinh hoạt**

1. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Vĩnh Phúc thực hiện tư vấn, phản biện xã hội, giám sát đối với chủ trương, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án liên quan đến thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

2. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Vĩnh Phúc và các tổ chức chính trị - xã hội khác phối hợp với chính quyền địa phương các cấp tuyên truyền nâng cao nhận thức về hoạt động quản lý chất thải rắn sinh hoạt, vận động nhân dân làm tốt công tác phân loại tại nguồn, đổ rác đúng thời gian, đúng nơi quy định; phối hợp với UBND các xã, phường, thị trấn kiểm tra giám sát việc thực hiện kế hoạch tổng vệ sinh môi trường định kỳ, các hoạt động quản lý chất thải rắn sinh hoạt, đảm bảo vệ sinh môi trường trên địa bàn. Trường hợp phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật về quản lý chất thải rắn sinh hoạt, cần thông báo cơ quan có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

## **CHƯƠNG IV**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 21. Điều khoản chuyển tiếp**

1. UBND cấp huyện tổ chức sắp xếp hoàn thiện hệ thống quản lý chất rắn sinh hoạt trên địa bàn theo quy định này trong thời gian 12 tháng kể từ ngày Quy định này có hiệu lực.

2. Các tổ chức thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt có trách nhiệm chuyển đổi, cải tạo, bổ sung phương tiện thu gom, vận chuyển thu gom, vận chuyển đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật đối với phương tiện thu gom, vận chuyển; điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt theo quy định tại Điều 8 quy định này trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày Quy định này có hiệu lực.

3. Đối với các địa phương chưa có nhà máy, cơ sở xử lý rác thải tập trung tạm thời rác thải sinh hoạt được xử lý bằng các lò đốt quy mô nhỏ đã được đầu tư hoặc chôn lấp tại các bãi rác đã được quy hoạch.

#### **Điều 22. Trách nhiệm thi hành**

1. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan định kỳ hàng năm tổng hợp, báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Xây dựng và UBND tỉnh về tình hình quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn trước ngày 30 tháng 3 của năm tiếp theo.

2. Các sở, ban, ngành, UBND các cấp tổ triển khai thực hiện quy định này. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

**Nguyễn Văn Trì**